

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2021
(Điều chỉnh ngày 10/8/2021)

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và Phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

1.1 Tên gọi

- Tên tiếng Việt: Phân hiệu Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Bến Tre.

- Tên giao dịch tiếng Anh: Vietnam National University Ho Chi Minh City – Campus in Ben Tre.

- Tên viết tắt: Phân hiệu ĐHQG-HCM (VNUHCM – CBT).

1.2 Sứ mệnh

Phân hiệu ĐHQG-HCM hướng đến trở thành trường đại học ứng dụng với sứ mệnh:

- Tiên phong thực hiện sứ mạng của ĐHQG-HCM tại khu vực Tây Nam Bộ;

- Đi đầu trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng khoa học công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội (KT-XH) của khu vực Tây Nam Bộ và cả nước;

- Đổi mới công tác giáo dục, quản trị đại học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục Việt Nam và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu: phát triển Phân hiệu ĐHQG-HCM thành trường đại học thành viên của ĐHQG- HCM theo định hướng ứng dụng, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và những sản phẩm khoa học trình độ cao, chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của vùng Tây Nam Bộ, đất nước và hội nhập khu vực và quốc tế. Trường đại học cũng là nơi gắn kết chặt chẽ với việc cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ cho cộng đồng thông qua cơ sở giáo dục này.



Tầm nhìn: Đến năm 2025, trở thành trường đại học thành viên ĐHQG-HCM theo định hướng ứng dụng; thuộc nhóm các trường đại học ứng dụng hàng đầu Việt Nam và đứng đầu khu vực Tây Nam Bộ vào năm 2045; là nơi hội tụ của tri thức, khoa học và công nghệ.

1.3 Địa chỉ trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử

- Địa chỉ: số 99A, quốc lộ 60, khu phố 1, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Điện thoại: (84) (275)3 818 000

- Email: phbentre@vnuhcm.edu.vn

- Website: <http://vnuhcm-cbt.edu.vn>

2. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2020 (người học)

Tính đến 31/12/2020, Phân hiệu ĐHQG-HCM có 19 sinh viên trình độ đại học, hệ chính quy.

Stt	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I.	Chính quy								
1	Sau đại học								
1.1	Tiến sĩ								
1.1.1	Ngành								
1.2	Thạc sĩ								
1.2.1	Ngành								
2	Đại học								
2.1	Chính quy					19			
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên								
2.1.1.1	Kỹ thuật xây dựng (7580201)					19			

Stt	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
2.1.2	Các ngành đào tạo ưu tiên								
2.1.2.1	Ngành...								
2.2	Liên thông từ TC lên ĐH								
2.2.1	Ngành....								
2.3	Liên thông từ CD lên ĐH								
2.3.1	Ngành....								
2.4	Đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng ĐH trở lên								
2.4.1	Ngành....								
3	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non								

3 Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1 Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

ST T	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm tuyển sinh 2020		x		
2	Năm tuyển sinh 2019				Chưa tổ chức tuyển sinh

3.2 Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Mã ngành	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
		Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành I							
Khối ngành II							
Khối ngành III							
Khối ngành IV							
Khối ngành V							
Kỹ thuật xây dựng	7580201				50	19	15
Khối ngành VI							
Khối ngành VII							

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 54.766,4 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: cung cấp đủ 100% nhu cầu ở ký túc xá cho sinh viên.
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 122,6 m²/sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	20	1945.3

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	845.3
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	0	0
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	13	910
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	3	120
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	3	70
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	611
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	5	3576
3.1	Phòng thực hành, thí nghiệm Hóa – Lý	1	648
3.2	Xưởng thực hành điện, điện tử	1	1344
3.3	Xưởng thực hành cơ khí động lực	1	864
3.4	Xưởng thực hành xây dựng	1	432
3.5	Xưởng thực hành sửa chữa ô tô	1	288
	Tổng	26	6132.3

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

- Phòng thí nghiệm tại Phân hiệu ĐHQG-HCM:

T T	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1.	Phòng thực hành thí nghiệm hóa lý	1. Thiết bị gỗ - Bàn giáo viên: 2 - Ghế giáo viên: 2 - Bàn thí nghiệm: 20 - Ghế thí nghiệm: 114 - Tủ gỗ: 4 - Bàn gỗ: 1	IV, V, VI

T T	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Bảng viết bút lông: 2 2. Thiết bị thí nghiệm hóa <ul style="list-style-type: none"> - Tủ hút khí độc: 1 - Cân điện tử 2 số lẻ: 1 - Máy hút chân không và hệ thống lọc: 1 - Máy ly tâm: 1 - Máy cất nước 1 lần: 1 - Tủ sấy: 1 2.1. Dụng cụ thủy tinh và các dụng cụ nhỏ khác <ul style="list-style-type: none"> - Pipette thẳng 1ml chia 1/10, chia vạch cuối: 20 - Pipette thẳng 2ml chia 1/10, chia vạch cuối: 20 - Pipette thẳng 5ml chia 1/10, chia vạch cuối: 20 - Pipette thẳng 10ml chia 1/10, chia vạch cuối: 20 - Pipette thẳng 25ml chia 1/10, chia vạch cuối: 20 - Buret thủy tinh 10ml, chia 0.1: 20 - Buret thủy tinh 25ml, chia 0.1: 20 - Buret thủy tinh 50ml, chia 0.1: 20 - Cốc thủy tinh cao thành 100ml: 20 - Cốc thủy tinh cao thành 200ml: 20 - Cốc thủy tinh cao thành 500ml: 20 - Cốc thủy tinh cao thành 1000ml: 10 - Bình tam giác cổ hẹp 50ml: 20 - Bình tam giác cổ hẹp 125ml: 40 - Bình tam giác cổ hẹp 250ml: 40 - Bình tam giác cổ hẹp 500ml: 20 - Bình tam giác có nút 100ml: 20 - Bình tam giác có nút 250ml: 20 - Bình định mức 10ml: 20 - Bình định mức 25ml: 20 - Bình định mức 50ml: 20 - Bình định mức 100ml: 20 - Bình định mức 250ml: 20 - Bình định mức 500ml: 5 - Bình định mức 1000ml: 5 - Ống đong thủy 10ml: 20 - Ống đong thủy 25ml: 20 - Ống đong thủy 50ml: 20 - Ống đong thủy 100ml: 20 - Ống đong thủy 250ml: 20 - Ống đong thủy 500ml: 20 	

T T	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Ống hút: 20 - Quả bóp cao su: 20 - Nhiệt kế: 20 - Đũa thủy tinh: 20 - Nhiệt lượng kế: 20 - Đồng hồ bấm giây: 20 - Tỷ trọng kế: 20 - Bình tia: 20 - Giá đỡ ống nghiệm: 20 - Giá kẹp: 20 - Giá để pipet: 20 - Chai đựng hóa chất 1 lít: 20 - Chai đựng hóa chất 0.5 lít: 20 - Lọ nhỏ giọt: 20 - Công tơ hút: 20 - Giấy lọc: 20 <p>3. Thiết bị thí nghiệm lí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ khảo sát dao động con lắc vật lý xác định gia tốc trọng trường: 1 - Dụng cụ xác định tỷ trọng chất lỏng và chất rắn: 1 - Dụng cụ xác định đương lượng khí calo: 1 - Dụng cụ khảo sát chuyển pha rắn lỏng của thiếc kim loại. Xác định nhiệt độ chuyển pha rắn lỏng: 1 - Dụng cụ đo điện trở bằng mạch cầu 1 chiều do suất điện động bằng mạch xung đối: 1 - Dụng cụ khảo sát hiện tượng phòng điện trong chất khí. Xác định điện trở và điện dung bằng mạch dao động tích phóng: 1 - Dụng cụ phân cực ánh sáng: 1 - Dụng cụ nhiễu xạ ánh sáng: 1 	

- Phòng thí nghiệm tại Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM:

+ Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-ĐHQG ngày 01 tháng 9 năm 2020 của ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tạm thời Quản lý, sử dụng cơ sở vật chất dùng chung trong ĐHQG-HCM.

+ Căn cứ vào Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre và Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM ngày 20 tháng 3 năm 2020 về nội dung phối hợp triển khai đào tạo các môn học thí nghiệm, thực hành trong chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng tại Phân hiệu ĐHQG-HCM; Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM hỗ trợ Phân hiệu ĐHQG-HCM về đội ngũ giảng viên hướng dẫn thí nghiệm và cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, thực hành được nêu trong phụ lục đính kèm.

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1	Phòng thí nghiệm công trình	<ul style="list-style-type: none"> - Máy khoan mẫu bê tông, 1996, Italia - TB ktra độ mòn kim loại trong beton, 1997, Thụy Sĩ - TB dò tìm định vị PROFOMETER 4, 1997, Thụy Sĩ - TB thí nghiệm đâm và dòn, 1997, VN - Chuyển vị kế dạng cơ 2046E, 1998, Nhật - Chuyển vị kế dạng cơ 3052E, 1998, Nhật - Chuyển vị kế dạng cơ 3058E, 1998, Nhật - Chuyển vị kế dạng cơ 3062E, 1998, Nhật - Chuyển vị kế điện tử 543-101, 1998, Nhật - Máy đo biến dạng P3500, 1998, Mỹ - Máy kiểm tra vết nứt công trình, 1998, Pháp - TB đo giãn dài loại hiển thị số, 1998, Pháp - Chuyển vị kế dạng cơ 3052F 30mm, 1998, Nhật - Chuyển vị kế dạng cơ 3058F 50mm, 1998, Nhật - Chuyển vị kế dạng cơ 3062F 100mm, 1998, Nhật - Chuyển vị kế dạng cơ 30mm, 1998, Nhật - Máy đo biến dạng P3500, 1998, Anh - TB kiểm k/t và p/tích cọc động OMEGA, 1998, Mỹ - Máy đo biến dạng P3500, 1998, Anh - TB kiểm tra độ đặc và nứt trong beton bằng siêu âm, 1998, Pháp - TB ktra độ cứng bê tông loại hiển thị số, 1999, Pháp 	V

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Kích thủy lực 10 tấn, 2000, Trung Quốc - Kích thủy lực 4 tấn, 2000, Trung Quốc - Dầm gia tải 6m, 2000, Việt Nam - Palang di động, 2000, Việt Nam - Đầu đo gia tốc, 2001, Pháp - Kích thủy lực 100 tấn Larzep, 2001, TBN - Máy hút bụi PAS 11-25, 2002, Đức - Máy bào tay, 2002, Đức - Máy mài tay, 2002, Đức - Máy TN 300T dùng nén bê tông lực cao, 2003, TBN - Búa thử độ cứng bê tông Model N, 2004, Thụy sĩ - ETO bàn kẹp lớn, 2004, Asia - ETO bàn kẹp nhỏ, 2004, Asia - Máy chà nhám BO3700, 2004, Asia - Máy khoan để bàn 1,2m, 2004, Asia - Máy kéo vụn năng Intron satec 2294-5V, 2004, Mỹ - Máy mài beton GC 5000, 2004, Asia - Máy mài bàn 2 đá GSM 200, 2004, Asia - Máy mài khe 960, 2004, Asia - Projector LCD Panasonic PT-LC56E, 2004, Asia - Projector LCD Panasonic PT-LC76E, 2004, Asia - TB TN lực cực hạn &K soát khe nứt dầm beton cốt thép, 2004, UK - TB khảo sát dao động cưỡng bức dầm console, 2004, UK - TB khảo sát dao động riêng giả động đất của dầm console, 2004, UK - TB khảo sát dao động riêng ngang của dầm console, 2004, UK - TB khảo sát dao động riêng đứng của dầm console, 2004, UK - Búa thử xung lực va đập model IO Tech, 2007, Mỹ - TB thu nhận khuếch đại tín hiệu động 2 kênh, 2007, Mỹ 	

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - HT thử nghiệm dầm trên khung gia tải, 2004, Mỹ - Máy dò khuyết tật kim loại bằng siêu âm EPOCH LT, 2008, Mỹ - Máy đo biến dạng tĩnh nhiều kênh hiện số TDS-303, 2008, Nhật - Máy siêu âm beton TICO, 2009, Thụy sĩ - Tb tiếp hợp UI-10A cho bộ giao tiếp đầu dò PCD-300B, 2010, Nhật - Đầu đo gia tốc AS-1GB, 2010, Nhật - Đầu đo gia tốc AS-2GB, 2010, Nhật - TB giao tiếp đầu dò PCD-300B, 2009, Nhật 	
2	Phòng thí nghiệm Địa cơ – Nền móng	<ul style="list-style-type: none"> Bộ rây sàng, Xác định thành phần hạt trong đất, 2004, Tyler – USA Máy sàng lắc, 1996, Mỹ Tỷ trọng, lắng đọng Lò sấy khô, 1999, Mỹ Chỏm cầu Casagrande, Xác định giới hạn chảy, 2001, Ý Cân điện tử, 2001, OHAUS(Mỹ) Máy Radio ACTIVE II, Độ đo chặt, độ ẩm bằng phóng xạ, 2000, HUMBOLT DT (Mỹ) Máy cắt trực tiếp, SoiTEST Máy cắt trực tiếp, Xác định hệ số C, ϕ của đất, 1996, ELE (Anh) Máy nén cố kết, Xác định hệ số nén lún, 1999, Controbab (Pháp) Máy nén 3 trục, SoiTEST Máy nén 3 trục, Xác định C, theo 3 sơ đồ, 1995, Controlab Thiết bị nén cố kết, Xác định hệ số nén lún, 1999, Controbab (Pháp) Xuyên tĩnh, Khảo sát đất, 1999, Gouda (Hà Lan) 	V

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
3	Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> - Máy trộn vữa xi măng 5 litre, 2 tốc độ, năm SX 1960, USA. - Bàn giăng tạo hình vữa xi măng, độ rơi 1 cm, SX 1960, USA. - Máy nén – uốn vữa xi măng, gạch đất sét nung, SX 2013, VN. - Máy nén bê tông 100 tấn, SX 2006, China. - Tủ sấy 200oC, SX 2000, China. - Máy trộn vữa xi măng 5 litre, 2 tốc độ, năm SX 2003, ELE. - Bàn giăng tạo hình vữa xi măng, độ rơi 1 cm, SX 2003, ELE. - Máy nén – uốn vữa xi măng, gạch đất sét nung, SX 2003, ELE. - Máy nén bê tông 200 tấn, SX 2001, ELE. - Tủ sấy 300oC, SX 2005, GERMANY. - Lò nung 1500oC, SX 2005, ELE. 	V

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo..., tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1	Khối ngành/Nhóm ngành I	890
2	Khối ngành II	95
3	Khối ngành III	795
4	Khối ngành IV	1270
5	Khối ngành V	1213
6	Khối ngành VI	110
7	Khối ngành VII	1464

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học.

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành
1	Hồ Thu Hiền	Nữ		Tiến sĩ	Xây dựng - Kết cấu công trình		7580201	Kỹ thuật xây dựng
2	Nguyễn Minh Tâm	Nam	PGS	Tiến sĩ	Xây dựng – Địa cơ nền móng		7580201	Kỹ thuật xây dựng
3	Nguyễn Đình Tứ	Nam	PGS	Tiến sĩ	Địa chất công trình - Địa chất thủy văn		7580201	Kỹ thuật xây dựng
4	Nguyễn Ninh Thụy	Nam	PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật Xây dựng		7580201	Kỹ thuật xây dựng
5	Đỗ Đại Thắng	Nam		Tiến sĩ	Kết cấu công trình		7580201	Kỹ thuật xây dựng
6	Vũ Quốc Hoàng	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng		7580201	Kỹ thuật xây dựng
7	Đào Phú Yên	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD công trình DD và CN		7580201	Kỹ thuật xây dựng
8	Đàng Quang Võ	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		7580201	Kỹ thuật xây dựng
9	Trần Gia Bảo Luân	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông		7580201	Kỹ thuật xây dựng
10	Lê Thị Thảo	Nữ		Thạc sĩ	Địa kỹ thuật xây dựng		7580201	Kỹ thuật xây dựng
11	Lưu Trần Hữu Tín	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		7580201	Kỹ thuật xây dựng
12	Đặng Anh Phương	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng	x	7580201	Kỹ thuật xây dựng
Tổng số giảng viên toàn trường		12						

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học.

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đến từ các trường thành viên và đơn vị trực thuộc của ĐHQG-HCM.

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) năm 2021.

Những thí sinh đã tốt nghiệp THPT những năm trước cần tham gia thi Tốt nghiệp THPT năm 2021 hoặc kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021 hoặc tham gia phỏng vấn.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển, hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): xét tuyển

- Phương thức 1: Tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQG-HCM (0% tổng chỉ tiêu)
- Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM (0% tổng chỉ tiêu)
- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 (10 - 30% tổng chỉ tiêu).
- Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả Đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM (20 - 40% tổng chỉ tiêu)
- Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên học bạ THPT kết hợp các điều kiện khác (40 - 60% tổng chỉ tiêu)
 - + Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021 kết hợp với điểm trung bình học bạ lớp 12 (5 - 15% tổng chỉ tiêu)
 - + Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 kết hợp trung bình học bạ lớp 12 (20 - 30% tổng chỉ tiêu)
 - + Xét tuyển dựa trên trung bình học bạ 3 năm THPT kết hợp với chứng chỉ tiếng Anh Quốc tế (2 - 5% tổng chỉ tiêu)
 - + Xét tuyển dựa trên trung bình học bạ lớp 12 kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT (Toán + Anh) và phỏng vấn (5-10% tổng chỉ tiêu).
 - + Xét tuyển dựa trên trung bình học bạ 3 năm THPT kết hợp phỏng vấn (3-5% tổng chỉ tiêu)

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

1.4.1. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7580201	Kỹ thuật xây dựng	278/QĐ-ĐHQG	20/04/2020	ĐHQG-HCM	2020	2020

1.4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng phương thức tuyển sinh

St t	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính	Tổ hợp	Môn chính
1	Đại học chính quy	7580201	Kỹ thuật xây dựng	20	80	A00	Toán	A01	Toán	D90	Toán

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

1.5.1. Điều kiện dự tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải

học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khoẻ.

Đạt yêu cầu về đối tượng tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Phân hiệu ĐHQG-HCM.

1.5.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng

- Phương thức 1 – Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GDĐT và Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQG-HCM;
- Phương thức 2 – Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM;
- Phương thức 3 – Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021: thí sinh đạt ngưỡng 15 điểm cho tổng 3 môn theo tổ hợp quy định (mỗi môn tính theo thang điểm 10, Môn Toán ≥ 5);
- Phương thức 4 – Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021: thí sinh đạt từ ngưỡng 550 điểm trở lên;
- Phương thức 5 – Xét tuyển dựa trên học bạ THPT kết hợp các điều kiện khác
 - + Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021 kết hợp với điểm trung bình học bạ lớp 12: thí sinh đạt từ ngưỡng 15 điểm trở lên, tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm xét tuyển} = 1 * (\text{Điểm ĐGNL} * 10 / 1200) + 2 * \text{Điểm TB học bạ lớp 12}$$
 - + Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 kết hợp điểm trung bình học bạ lớp 12: thí sinh đạt từ ngưỡng 15 điểm trở lên, tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm xét tuyển} = 1 * \text{Điểm tốt nghiệp THPT (Toán + Anh)} / 2 + 2 * \text{Điểm TB học bạ lớp 12}$$
 - + Xét tuyển dựa trên trung bình học bạ 3 năm THPT kết hợp với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: Điểm trung bình học bạ 3 năm THPT $\geq 7,0$.

+ Xét tuyển dựa trên dựa trên trung bình học bạ lớp 12 kết hợp với điểm thi tốt nghiệp THPT (Toán+ Anh) và phỏng vấn: thí sinh đạt từ ngưỡng 15 điểm trở lên, tính theo công thức sau: $1 * \text{Điểm tốt nghiệp THPT (Toán + Anh)} / 2 + 2 * \text{Điểm TB học bạ lớp 12}$.

+ Xét tuyển dựa trên điểm trung bình học bạ 3 năm THPT kết hợp phỏng vấn: Điểm trung bình học bạ 3 năm THPT (lớp 10, 11, 12) $\geq 6,5$.

1.6. Các thông tin cần thiết khác

Stt	Mã đơn vị	Mã ngành tuyển sinh	Ngành tuyển sinh	Chỉ tiêu tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp
1	QSP	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100	A00 (Toán – Lý – Hóa) A01 (Toán – Lý – Anh văn) D90 (Toán – Anh văn – KHTN)	Như nhau, không chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

Thời gian, hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và ĐHQG-HCM. Phân hiệu ĐHQG-HCM sẽ thông báo chi tiết và cập nhật tại website <http://vnuhcm-cbt.edu.vn> và trang thông tin tuyển sinh thituyensinh.vn theo quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM.

1.7.1. *Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQG-HCM (0%)*

1.7.2. *Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM (0%)*

1.7.3. *Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT 2021 (10 - 30% tổng chỉ tiêu).*

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021 và thỏa điều kiện Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Phân hiệu ĐHQG-HCM.

- Đăng ký: Thí sinh đăng ký theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

- Thời gian đăng ký xét tuyển dự kiến: từ 24/4/2021 đến 10/5/2021 (theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT).

1.7.4. *Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021 (20 - 40% tổng chỉ tiêu).*

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT, có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021.

- Đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại Cổng đăng ký xét tuyển của ĐHQG-HCM (theo hướng dẫn của ĐHQG-HCM và thông báo tuyển sinh của Phân hiệu ĐHQG-HCM).

- Thời gian đăng ký xét tuyển: Theo kế hoạch chung của ĐHQG-HCM.

1.7.5. *Xét tuyển dựa trên học bạ THPT kết hợp các điều kiện khác (40 - 60% tổng chỉ tiêu)*

a) *Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021 kết hợp điểm trung bình học bạ lớp 12 (5 - 15% tổng chỉ tiêu).*

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT, có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021.

- Đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Phân hiệu ĐHQG-HCM.

- Thời gian đăng ký xét tuyển: 15/7/2021 - 16/8/2021

b) *Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 kết hợp điểm trung bình học bạ lớp 12 (20 - 30% tổng chỉ tiêu).*

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021
- Đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Phân hiệu ĐHQG-HCM.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: 15/7/2021 – 16/8/2021

c) Xét tuyển dựa vào trung bình học bạ 3 năm THPT kết hợp với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (2 -5% tổng chỉ tiêu)

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2021, có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

- Đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Phân hiệu ĐHQG-HCM.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: 15/7/2021 – 16/8/2021

d) Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp điểm trung bình học bạ lớp 12 kèm phỏng vấn (5 -10% tổng chỉ tiêu)

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2019, 2020
- Đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Phân hiệu ĐHQG-HCM.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: 06/8/2021 – 16/8/2021

e) Xét tuyển dựa trên điểm trung bình học bạ 3 năm THPT kèm phỏng vấn (3-5% tổng chỉ tiêu)

- Đối tượng: Thí sinh thí sinh được đặc cách xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2021.

- Đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tiếp tại Phân hiệu ĐHQG-HCM.
- Thời gian đăng ký xét tuyển: 25/8/2021 – 30/8/2021

1.8 Tuyển sinh đợt bổ sung:

Theo quy định của Bộ GD&ĐT và theo tình hình tuyển sinh thực tế, Phân hiệu ĐHQG-HCM sẽ tuyển sinh đợt bổ sung. Thông tin về đợt bổ sung sẽ được Phân hiệu ĐHQG-HCM ra thông báo cụ thể và cập nhật lên các phương tiện thông tin truyền thông của Phân hiệu ĐHQG-HCM.

Thời gian dự kiến: Tháng 10/2021.

1.9. Chính sách ưu tiên:

Thực hiện chính sách ưu tiên theo đối tượng và ưu tiên theo khu vực căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.10. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Lệ phí xét tuyển nguyện vọng: 25.000 đồng/nguyện vọng.

1.11. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Học phí dự kiến: 7 triệu đồng/học kì/sinh viên.
- Lộ trình tăng học phí từng năm theo quy định của Chính phủ.

1.12. Các nội dung khác:

Điểm xét tuyển:

- Theo phương thức 3: tổng điểm 03 môn thi/ bài thi của tổ hợp môn xét tuyển (không nhân hệ số);

- Theo phương thức 4: điểm kỳ thi đánh giá năng lực năm 2021 của ĐHQG-HCM cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng;

- Theo phương thức 5:

a) Điểm tổng của điểm trung bình học bạ lớp 12 và điểm thi ĐGNL quy đổi theo thang điểm 10, cụ thể:

$$\text{ĐXT} = 1 * (\text{Điểm ĐGNL} * 10 / 1200) + 2 * \text{Điểm TB học bạ lớp 12}$$

b) Điểm tổng của điểm tốt nghiệp THPT (Toán, Anh) và điểm trung bình học bạ lớp 12, cụ thể:

$$\text{ĐXT} = 1 * \text{Điểm thi TNTHPT (Toán + Anh)} / 2 + 2 * \text{Điểm TB học bạ lớp 12}$$

c) Điểm trung bình học bạ 3 năm THPT*2 + điểm quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, cụ thể:

TT	Điểm Anh văn theo chuẩn B1-CEFR và tương đương	Điểm quy đổi
1	PET/B1-CEFR: 140-152	8,0
2	PET/B1-CEFR: 153-159	9,0
3	PET/B1-CEFR: 160-170 / B2-CEFR	10,0

d) Điểm tổng của điểm tốt nghiệp THPT (Toán, Anh) và điểm trung bình học bạ lớp 12 kết hợp điểm phỏng vấn, cụ thể:

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm thi tốt nghiệp THPT (Toán + Anh)} / 2 + \text{Điểm TB học bạ lớp 12} + \text{Điểm phỏng vấn}$$

e) Xét tuyển dựa trên điểm trung bình học bạ 3 năm THPT kèm phỏng vấn (dành cho thí sinh được đặc cách xét tốt nghiệp THPT 2021):

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm TB học bạ 3 năm THPT} * 2 + \text{Điểm phỏng vấn}$$

Điểm trúng tuyển cho các tổ hợp môn xét tuyển khác nhau của cùng 01 ngành và cùng chương trình xét tuyển là như nhau.

1.13. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/Công nghệ thông tin trình độ đại học (xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể): Hiện tại, Phân hiệu ĐHQG-HCM chưa

triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học

1.14. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Hiện chưa có sinh viên tốt nghiệp.

1.15. Tài chính

Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2020 của Phân hiệu ĐHQG-HCM: **1.341.516.881** đồng

Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: hiện tại chưa thống kê được vì năm 2020 mới tuyển sinh năm đầu tiên

2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (Không bao gồm chỉ tiêu liên thông VLVH trình độ ĐH, trình độ CĐ Ngành Giáo dục Mầm non và chỉ tiêu liên thông VLVH từ ĐH đối với người có bằng ĐH, từ CĐ đối với người có bằng CĐ)

Hiện tại, Phân hiệu ĐHQG-HCM chưa tuyển sinh hệ vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non.

3. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: từ TC, CĐ lên ĐH, từ TC lên CĐ ngành Giáo dục Mầm non

Hiện tại, Phân hiệu ĐHQG-HCM chưa tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: từ TC, CĐ lên ĐH, từ TC lên CĐ ngành Giáo dục Mầm non.

4. Tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học đối với người có bằng CĐ; ĐH

Hiện tại, Phân hiệu ĐHQG-HCM chưa tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học đối với người có bằng CĐ; ĐH.

5. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non cho các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học

Hiện tại, Phân hiệu ĐHQG-HCM chưa tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non cho các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học./.

Cán bộ kê khai


Họ tên: Lê Thị Thảo

Điện thoại: 0975437202

Email: ltthao@vnuhcm.edu.vn

Bến Tre, ngày 10 tháng 8 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Hồ Thu Hiền